

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 39/2019/DS-PT

Ngày: 25/02/2019

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng

Ông Vũ Toàn Giang

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 2 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018DS-ST, ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Cung Thị T (*vắng mặt*)

Trú tại: Số 3 ngõ 890 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Huy L, sinh năm 1986 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 422 phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T: ông Nguyễn Mạnh Hùng - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Mạnh Hùng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (*có mặt*).

Bị đơn:

1. Anh Phạm Chí C, sinh năm 1959 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 54 ngách 102/20 phố Pháo Đài Láng, Tổ 35 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1962 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 70 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. Anh Phạm Quốc A, sinh năm 1965 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 48 ngõ 102/20 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1968 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 46 ngõ 102/20 phố Pháo Đài Láng, tổ 35 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1981(*vắng mặt*).

Địa chỉ: 408 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Huy L, sinh năm 1986 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 422 phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Chị Nguyễn Thị Nghiêm (*vắng mặt*)

3. Chị Phạm Minh Quý (*vắng mặt*)

4. Chị Phạm Phương Chi (*vắng mặt*)

5. Chị Phạm Phương Thảo (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Số 54 ngách 102/20 phố Pháo Đài Láng, Tổ 35 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

6. Chị Nguyễn Thị Minh Toán (*vắng mặt*)

7. Chị Phạm Minh Ánh (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Số 48 ngõ 102/20 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

8. Chị Nguyễn Thị Thanh Vân (*vắng mặt*)

9. Chị Phạm Thanh Lam (*vắng mặt*)

10. Chị Phạm Thu Hiền (*vắng mặt*)

11. Anh Phạm Thanh Tùng (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Số 46 ngõ 102/20 Pháo Đài Láng, tổ 35 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

12. Anh Đặng Văn Tre (*vắng mặt*)

13. Anh Đặng Minh Chiến (*vắng mặt*)

14. Chị Đặng Kim Thu (*vắng mặt*)

15. Anh Phạm Minh Quang (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Số 70 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Gia Thụy có vợ là bà Đỗ Thị Nga (bà Nga chết năm 1993), sau khi bà Nga chết, năm 1994 ông Thụy kết hôn với bà Cung Thị T, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Thụy, bà T không có con đẻ nhưng nhận chị Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1981 làm con nuôi theo Quyết định số 01/QĐ/UB Vân Canh, ngày 23 tháng 01 năm 2002 của UBND xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Ông Phạm Gia Thụy chết ngày 20/9/2006, khi chết không để lại di chúc

Di sản ông Thụy để lại bao gồm:

- ½ nhà đất có diện tích 328,50m² tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57, địa chỉ số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29/8/1998 đứng tên ông Thụy, bà T. Theo bà T cho biết đây là tài sản chung của vợ chồng, trên mảnh đất có gia đình anh Phạm Chí C, anh Phạm Quốc A, anh Phạm Hoàng T (là con ông Thụy bà Nga) đang ở. Tháng 8/1995 ông Thụy làm nhà, ngôi nhà hiện mang số 46/102/20 và 48/102/20 phố Pháo Đài Láng, nhà 2 tầng, tường 20 có công sức đóng góp của bà T, tháng 2/1996 mới hoàn thành nốt công trình và đến năm 2001 bà T mới trả hết nợ. Tháng 7/1996, bà T mới về ở tại số 3 ngõ 890 đường Láng.

- ½ nhà, đất diện tích 76,5m² tại thửa đất số 45, tờ bản đồ 7E-III-48, địa chỉ Tổ 13B phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội, nay là số 3 ngõ 890 Đường

Láng, quận Đống Đa, Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội cấp ngày 11/10/2006 đứng tên ông Thụy, bà Nga.

Nguồn gốc đất là tài sản chung của ông Thụy, bà Nga. Từ khi kết hôn với ông Thụy cho đến nay, bà T ở nhà đất này. Ngoài bà T hiện nay không có ai ở. Nhà có hai khối liền nhau: Khối thứ nhất do ông Thụy, bà Nga xây, khối thứ hai có diện tích 20,35m² do ông Thụy, bà T xây khoảng năm 2000.

Ngoài hai khối tài sản trên là di sản của ông Thụy để lại, bà T không yêu cầu chia thừa kế tài sản nào khác.

Nay bà T yêu cầu Tòa án tuyên công nhận 1/2 diện tích đất tại địa chỉ số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng đứng tên ông Thụy và bà T là của bà T và giao cho bà T quản lý, sử dụng, định đoạt và chia thừa kế phần di sản của ông Thụy về hai di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật

Đồng bị đơn anh Phạm Chí C, chị Phạm Thị L, anh Phạm Quốc A, anh Phạm Hoàng T thống nhất trình bày:

Bố mẹ của các đồng bị đơn là ông Phạm Gia Thụy (chết ngày 20/9/2006), bà Đỗ Thị Nga (chết năm 1993). Ông Thụy, bà Nga có 4 người con chung gồm: anh Phạm Chí C (sinh năm 1959), chị Phạm Thị L (sinh năm 1962), anh Phạm Quốc A (sinh năm 1965) và anh Phạm Hoàng T (sinh năm 1968). Ông Thụy và bà Nga không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

Việc ông Thụy bà T nhận chị Ng làm con nuôi các anh chị không biết, không nhìn thấy chị Ng ở với ông Thụy, bà T và cũng không thấy chị Ng có trách nhiệm với gia đình.

Anh C, anh Quốc A, chị L, anh T xác nhận thời điểm mở thừa kế của ông Thụy là ngày 20/9/2006 (Âm lịch là ngày 28/7/2006 nhuận). Tuy trong giấy chứng tử ghi ngày chết của ông Thụy là ngày 20/8/2006 nhưng là do viết nhầm, thực tế ông Thụy chết ngày 20/9/2006. Ông Thụy chết không để lại di chúc nhưng trước khi chết khoảng vài ba ngày (không phải phiên họp ngày 18/9/2006) gia đình họp có sự chứng kiến của hai ông chú là ông Phạm Huy Hoan và ông Phạm Xuân Hòa, hàng xóm gồm có ông Phạm Bá Linh, ông Phạm Ngọc Định và bác Cừ. Nội dung cuộc họp bàn về việc nhà đất của ông, cha để lại không được bán chỉ để ở, mảnh đất 328,50 m² là cho 03 con trai (anh C, anh Quốc A, anh T), còn mảnh đất 76,5

m2 là để lại cho anh C là con trai cả theo giấy cho nhà đất vào ngày 11/9/2006 có chữ ký của ông Phạm Gia Thụy. Việc cho nhà đất có sự chứng kiến của bà T.

- Mảnh đất 328,50 m2, nguồn gốc do tổ tiên để lại, từ lâu đã phân chia cho anh C, anh Quốc A, anh T. Việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà T các anh chị không biết. Anh C, anh Quốc A, anh T đã làm nhà trước khi ông Thụy lấy bà T. Việc làm sổ đỏ đứng tên ông Thụy, bà T mãi đến năm 2003 các anh chị mới biết, khi đó mọi việc đã xong rồi nên Anh C, anh Quốc A, anh T, chị L không khiếu nại thắc mắc gì về quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Thụy bà T nữa

Mảnh đất 328,50 m2 ông Thụy phân chia cho anh C, anh T, anh Quốc A để tự xây nhà nhưng chưa được tách sổ đỏ. Anh C xây nhà vào năm 2003, anh Quốc A, anh T xây nhà vào năm 1994 và ở từ đó đến nay, không có tranh chấp gì, chỉ có gia đình gồm vợ, con các anh đang ở, ngoài ra không có ai khác ở trên mảnh đất này.

Năm 1994, ông Thụy lấy bà T về ở luôn tại số 3 ngõ 890 Đường Láng chứ không ở trên mảnh đất 328,50m2 mà các đồng bị đơn đang ở một ngày nào.

Trên mảnh đất 328,50m2, một phần đất vợ chồng anh C bỏ tiền xây dựng không được bố mẹ cho tiền xây nhà. Khối nhà thứ nhất anh xây năm 2003, khối nhà thứ hai anh xây năm 2008, hai khối nhà xây liền nhau.

Phần nhà đất của anh Quốc A và anh T được xây bằng tiền của mẹ anh là bà Nga cho. Trước đó bà Nga bán hai mảnh đất gần dân cộng với tiền bên ngoài cho để xây nhà. Anh T, anh Quốc A đều xây nhà trước khi ông Thụy lấy bà T. Sau khi anh Quốc A lấy vợ (1998) và anh T lấy vợ (1994) vợ chồng các anh chị ở ổn định đến nay. Quá trình ở có sửa chữa nhưng không đáng kể, tiền của vợ chồng anh Quốc A và anh T bỏ ra

- Mảnh đất 76,5 m2, nguồn gốc đất này do trước đây bà Nga là xã viên Hợp tác xã Láng Trung nên được cấp đất vào khoảng năm 1985 - 1988. Sau khi Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực, gia đình mới làm sổ đỏ và đứng tên ông Thụy, bà Nga. Năm 2006 sau khi ông Thụy chết, bà T và anh C, chị L, anh Quốc A, anh T ra UBND phường Láng Thượng để bà T ký giấy từ chối mảnh đất này. Trước khi chết ông Thụy dặn dò bà T về ở cùng anh Quốc A (trên mảnh đất 328,5m2) nhưng bà T không về ở cùng anh Quốc A mà vẫn ở tại mảnh đất 76,5m2 từ đó đến nay. Bị đơn

xác nhận không ai ngoài bà T đang ở nhà đất này và cũng không ai có hộ khẩu ở đây. Tình trạng nhà xây từ năm trước khi bà Nga mất. Khi ông Thụy bà T ở có xây thêm nhà một tầng mái bằng diện tích khoảng vài chục mét

Bà T có hộ khẩu tại nhà đất 328,50m² cùng hộ gia đình anh Phạm Quốc A. Khi xây dựng gia đình anh C, anh Quốc A, anh T đã tách hộ khẩu riêng từng hộ.

Mảnh đất 328,50 m² nguồn gốc của các cụ để lại. Bà T không có đóng góp gì nên các anh chị không đồng ý chia thừa kế vì đây không phải là tài sản của bà T. Đất này do ông bà nội của các anh chị đã phân chia từ trước khi bà T lấy ông Thụy. Mỗi anh em đều đã có gia đình ở ổn định và cũng không phải là tài sản của ông Thụy để chia thừa kế.

Mảnh Đất 76,5 m² đã cho anh C nên cũng không phải là di sản thừa kế để chia.

Anh C, anh Quốc A, anh T đồng ý thanh toán cho bà T theo đúng 1/5 giá trị tài sản nhà đất 76,5 m² theo khung giá của Nhà nước, theo biên bản thống nhất ngày 11/9/2006 (có chữ ký của bà T). Theo yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần di sản của ông Thụy. Phía bị đơn không yêu cầu Tòa án chia thừa kế của bà Nga (là mẹ của đồng bị đơn).

Về việc Tòa án định giá bị đơn không có ý kiến gì, nay vẫn đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Chị Nguyễn Thị Nghiêm trình bày:* Chị và anh C kết hôn năm 1992, khi chị về làm dâu ở trên ngôi nhà cấp 4 năm gian. Năm 2003 vợ chồng chị phá đi để xây nhà mới. Năm 2008 xây thêm một khối nhà nữa. Tiền xây nhà là của vợ chồng chị. Nay chị tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đồng thời thống nhất lời khai của anh Phạm Chí C và xin phép không tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

- *Chị Nguyễn Thị Minh Toán trình bày:* Chị là vợ anh Phạm Quốc A, chị và anh Quốc A kết hôn năm 1998. Sau khi kết hôn chị về ở tại nhà chồng đến nay, nhà đã có sẵn. Quá trình ở vợ chồng chị có sửa chữa nhưng không đáng kể. Tuy vậy đó cũng là công sức của chị như Hội đồng định giá đã định giá. Chị Toán thống nhất

với lời khai của anh Quốc A và xin phép không tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

- *Chị Nguyễn Thị Thanh Vân trình bày:* Chị và anh T kết hôn năm 1994. Sau khi kết hôn chị về ở tại địa chỉ số 375, Tổ 15 phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội. Khi lấy anh T nhà đã có sẵn. Quá trình ở vợ chồng có sửa chữa nhưng không đáng kể, tuy nhiên đó cũng là công sức của chị. Nay chị tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật đồng thời thống nhất lời khai của anh Phạm Hoàng T và xin phép không tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

- *Anh Đặng Văn Tre, Đặng Minh Chiến, Đặng Kim Thu, Phạm Thanh Lam, Phạm Minh Ánh, Phạm Minh Quý, Phạm Phương Thảo, Phạm Phương Chi cùng thống nhất trình bày:* Xác nhận đều có hộ khẩu thường trú tại số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng và tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có đóng góp gì đối với di sản thừa kế; nhất trí với lời trình bày của anh C, chị L, anh T, anh Quốc A; yêu cầu không tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Chị Nguyễn Thị Thanh Ng trình bày:* Chị là con nuôi ông Phạm Gia Thụy (chết năm 2006) và bà Cung Thị T theo quyết định nhận con nuôi ngày 23/1/2002 của UBND xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Sau đó chị ở với ông Thụy, bà T tại số 3 ngõ 890 Đường Láng. Quá trình sống bà T, ông Thụy có mảnh đất diện tích 328,50m² đứng tên ông Thụy, bà T và mảnh đất diện tích 76,5m² đứng tên ông Thụy và vợ cũ là bà Nga (chết năm 1993). Đồng thời ông Thụy, bà Nga có 4 người con là anh C, chị L, anh T, anh Quốc A. Ông Thụy chết không để lại di chúc do vậy theo quy định của pháp luật thì chị là một trong những đồng thừa kế phần di sản thừa kế của ông Thụy và tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà T và yêu cầu Tòa giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS - ST ngày 10/5/2018 Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin chia thừa kế của bà Cung Thị T do anh Nguyễn Trung Thành đại diện đối với anh Phạm Chí C, chị Phạm Thị L, anh Phạm Quốc A, anh Phạm Hoàng T

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Phạm Gia Thụy là ngày 20/9/2006

3. Xác định di sản thừa kế của ông Phạm Gia Thụy như sau:

- Một phần quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 375 tổ 15 phường Láng Thượng, quận Đống Đa Hà Nội nay là số 46,48,54 ngách 102/20 phố Pháo Đài Láng, quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0105210539 ngày 29/8/1998 của UBND TP Hà Nội đứng tên ông Phạm Gia Thụy và bà Cung Thị T có diện tích đất 328,5m², số đo thực tế là 325,67m² có giá trị quyền sử dụng đất là 13.433.887.500đồng

- Một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ Tổ 13B Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội nay là số 3 ngõ 890 đường Láng, quận Đống Đa, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 839248 ngày 10/11/2006 của UBND quận Đống Đa đứng tên ông Phạm Gia Thụy và Bà Đỗ Thị Nga (đã chết) có diện tích đất 76,5m², số đo thực tế là 75,64m² có giá trị quyền sử dụng đất là 4.538.400.000đồng (phần ông Thụy 2.269.200.000đồng); có giá trị xây dựng nhà là:

Nhà ông Thụy, bà Nga xây dựng năm 1988 là 31.475.426 đồng (phần ông Thụy 15.737.713đồng)

Nhà ông Thụy, bà T xây dựng năm 2000 là 39.128.760đồng (phần ông Thụy 19.564.380đồng)

Tổng giá trị tài sản của ông Thụy gọi là di sản thừa kế là:
 $13.433.887.500\text{đồng} + 2.304.502.000\text{đồng} = 15.738.389.500\text{đồng}$

4. Xác định diện, hàng thừa kế là những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Gia Thụy thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Cung Thị T, anh Phạm Chí C, chị Phạm Thị L, anh Phạm Quốc A, anh Phạm Hoàng T và chị Nguyễn Thị Thanh Ng.

5. Tổng giá trị tài sản của ông Thụy gọi là di sản thừa kế là 15.738.389.500đồng được chia như sau:

* Di sản thừa kế của ông Thụy là 75% giá trị quyền sử dụng đất tại số 375 tổ 15 phường Láng Thượng, quận Đống Đa Hà Nội (nay là số 46,48,54 ngách 102/20 phố Pháo Đài Láng) là 13.433.887.500đồng và được chia đều theo pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà T, anh C, chị L, anh Quốc A, anh T và chị Ng mỗi người được hưởng 2.238.981.250đồng.

- Anh C được chia quyền sử dụng đất có diện tích 199,07m² có giá trị quyền sử dụng đất là 10.948.850.000đồng. Anh C phải thanh toán cho bà T số tiền 4.477.962.500đồng mà bà T được chia tài sản với ông Thụy. Ngoài ra anh C còn phải thanh toán cho bà T, chị L, chị Ng mỗi người 1.410.635.416đồng giá trị kỷ phần mà họ được hưởng

- Anh Quốc A được chia quyền sử dụng đất có diện tích 63,3m² có giá trị quyền sử dụng đất là 3.481.500.000đồng. Anh Quốc A phải thanh toán cho bà T, chị L, chị Ng mỗi người 414.172.916đồng giá trị kỷ phần mà họ được hưởng

- Anh T được chia quyền sử dụng đất có diện tích 63,3m² có giá trị quyền sử dụng đất là 3.481.500.000đồng. Anh T phải thanh toán cho bà T, chị L, chị Ng mỗi người 414.172.916đồng giá trị kỷ phần mà họ được hưởng

* Di sản thừa kế của ông Thụy là một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ tổ 13B Láng Thượng Đống Đa, Hà Nội nay là số 3 ngõ 890 đường Láng, quận Đống Đa, Hà Nội là 2.304.502.000đồng và được chia đều theo pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà T, anh C, chị L, anh Quốc A, anh T và chị Ng mỗi người được hưởng 384.083.666đồng.

- Bà T được chia phần nhà bên trong phía bên tay phải đứng từ cổng nhìn vào gồm: (Phòng ở 2 diện tích 12,95m²; Lối đi xuống bếp và bếp có diện tích 12,58m²) có giá trị xây dựng là 31.475.426đồng, có giá trị quyền sử dụng đất là 1.531.800.000đồng; Bể nước có giá trị xây dựng là 354.684đồng; Sân và lối đi vào nhà có diện tích 29,76m² bà T sử dụng chung với anh C, chị L, anh Quốc A, anh T có giá trị quyền sử dụng đất là 892.800.000đồng. Giá trị tài sản mà bà T được chia là 2.456.430.110đồng. Giá trị này nhiều hơn giá trị thuộc di sản thừa kế của ông Thụy nên bà T phải thanh toán cho anh C, anh T, chị L, anh Quốc A số tiền 151.928.110đồng chênh lệch tài sản được hưởng hơn

- Phần nhà bên ngoài phía bên tay phải đứng từ cổng nhìn vào là phòng ở 1 có diện tích 20,35m² có giá trị xây dựng là 38.774.076đồng, có giá trị quyền sử dụng đất là 1.221.000.000đồng là di sản của bà Nga nên anh C, chị L, anh Quốc A, anh T được hưởng. Giá trị tài sản mà anh C, chị L, anh Quốc A, anh T được hưởng thuộc di sản thừa kế của bà Nga là 2.152.574.076đồng nên được nhận từ bà T số tiền 151.928.110đồng chênh lệch tài sản mà bà T được hưởng hơn

- Bà T còn phải thanh toán cho anh C, chị L, anh Quốc A, anh T và chị Ng mỗi người 384.083.666đồng giá trị mỗi kỷ phần mà họ được hưởng
- Không chia thừa kế phần di sản thừa kế của bà Nga

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự phải đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục về nhà đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14, 16, 17/5/2018, đồng bị đơn anh Phạm Chí C, chị Phạm Thị L, anh Phạm Quốc A và anh Phạm Hoàng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại đảm bảo quyền, lợi ích cho các anh chị. Ngày 21/5/2018, nguyên đơn bà Cung Thị T kháng cáo về cách chia tài sản thừa kế của bản án sơ thẩm chưa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét chia thừa kế cho nguyên đơn được hưởng bằng giá trị. Việc Toà án cấp sơ thẩm chia kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là không thuận lợi cho việc sinh hoạt và đảm bảo điều kiện sống của nguyên đơn.

Đồng bị đơn anh C, chị L, anh T, anh Quốc A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng tình với ý kiến của nguyên đơn đề nghị chia cho nguyên đơn được hưởng phần thừa kế bằng giá trị; đối với hai khối tài sản được xác định là di sản thừa kế của ông Thụy để lại có nguồn gốc của tổ tiên và của mẹ các anh chị được nhà nước phân chia, bà T không có đóng góp công sức gì đối với hai khối sản này, tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm thanh toán tài sản vợ chồng (ông Thụy, bà T) và chia kỷ phần thừa kế cho bà T như vậy là quá nhiều, không phù hợp vì bà T không có đóng góp công sức gì, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác; đề nghị xem xét lại việc ông Thụy, bà T nhận chị Ng làm con nuôi như vậy có đúng quy định của pháp luật không.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Nhất trí với quyết định của Toà án cấp sơ thẩm về việc xác định tài sản chung của vợ chồng và kỷ phần thừa kế của bà T, tuy nhiên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa

bản án sơ thẩm, chia cho nguyên đơn được hưởng bằng giá trị kỷ phần của bà T và của chị Ng cộng lại tương đương 9.724.201.332 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá quá trình giải quyết vụ án xác định, việc ông Thụy, bà T nhận chị Ng làm con nuôi là không phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khi giải quyết việc chia thừa kế Toà án cấp sơ thẩm không đề cập đến công sức, quyền lợi của bà Nga như vậy là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên toà vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Xác định thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện về thừa kế:

Căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân quận Đống Đa ngày 24/5/2017 (BL 150), về việc đính chính ngày chết của ông Phạm Gia Thụy trong Giấy chứng tử là ngày 20/9/2006; lời khai của các đương sự cùng thống nhất trình bày bà Đỗ Thị Nga (vợ cũ của ông Thụy) chết năm 1993, có căn cứ xác định thời điểm mở thừa kế của ông Phạm Gia Thụy là ngày 20/9/2006 và thời điểm mở thừa kế của bà Nga là năm 1993.

Ông Thụy và bà Nga chết không để lại di chúc, ngày 11 tháng 12 năm 2014, bà Cung Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản thừa kế của ông Thụy để lại. Căn cứ Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu chia thừa kế của bà T là trong thời hiệu khởi kiện.

2.2 Về xác định người thừa kế

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai thống nhất của các bên đương sự xác định:

Trước khi kết hôn với bà Cung Thị T, ông Phạm Gia Thụy có vợ là bà Đỗ Thị Nga (bà Nga chết năm 1993). Ông Thụy và bà Nga có 4 người con là anh Phạm Chí C (1959), chị Phạm Thị L (1962), anh Phạm Quốc A (1965) và anh Phạm Hoàng T (1968), ngoài ra không có người con đẻ, con nuôi nào khác.

Năm 1994 ông Thụy kết hôn với bà Cung Thị T, đăng ký kết hôn ngày 27/12/1994 tại UBND phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Ông Thụy bà T không có con đẻ. Theo bà T trình bày thì ông Thụy và bà T có nhận chị Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1981 làm con nuôi, theo Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01QĐ/UB Vân Canh ngày 23 tháng 01 năm 2002 của UBND xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cho rằng không biết việc ông Thụy, bà T nhận chị Ng làm con nuôi. Tại thời điểm nhận chị Ng làm con nuôi khi đó chị Ng đã 21 tuổi là không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2016 Toà án cấp sơ thẩm đã có Công văn số 404/TAĐĐ, đề nghị Ủy ban nhân dân xã Vân Canh cung cấp cho Toà án về căn cứ pháp lý khi ra Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01QĐ/UB, ngày 23 tháng 01 năm 2002. Ngày 04 tháng 01 năm 2018 Toà án cấp phúc thẩm tiến hành xác minh tại UBND xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội để làm rõ tính xác thực của Quyết định công nhận nuôi con nuôi nêu trên. UBND xã Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội cho biết hiện không còn lưu trữ sổ sách và hồ sơ liên quan đến Quyết định số 01QĐ/UB, ngày 23 tháng 01 năm 2002 công nhận nuôi con nuôi. Ngày 07/01/2002, ông Nguyễn Hữu Thảo, nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội có văn bản xác nhận, thời kỳ năm 2002 ông là Phó Chủ tịch UBND xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội, sau khi kiểm tra hồ sơ nhận nuôi con nuôi và nhận thấy hồ sơ đã hợp lệ, ông là người đã ký Quyết định này.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được thể hiện, tại thời điểm năm 2002 chị Ng trên 15 tuổi nhưng kém ông Thụy, bà T hơn 20 tuổi. Ông Thụy, bà T không có con chung trong khi các con riêng của ông Thụy đều đã có gia đình và ở riêng biệt không sống cùng ông bà. Căn cứ quy định tại các Điều 35, 36, 37 mục 4 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch, Điều 68, 69 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, ông Thụy, bà T đủ điều kiện nhận nuôi con nuôi và chị Ng cũng đủ điều kiện làm con nuôi. Trên cơ sở xác nhận của ông Nguyễn Hữu Thảo, nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã Vân Canh, là người đã ký Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01/QĐ/UB Vân Canh, ngày 23 tháng 01 năm 2002 của UBND xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội, có căn cứ xác định quyết định này là hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó thì cho đến nay không có văn bản nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền huỷ bỏ quyết định nêu trên nên việc bị đơn không thừa nhận chị Ng là con nuôi của ông Thụy, bà T không phải là căn cứ để chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quy định tại Điều 25, 26 Luật nuôi con nuôi năm 2010.

Từ phân tích nêu trên xác định, chị Nguyễn Thị Thanh Ng là con nuôi của ông Thụy và bà T theo quy định của pháp luật. Ông Thụy, bà T và chị Ng có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 kể từ thời điểm có quyết định công nhận nuôi con nuôi.

Các đương sự trong vụ án đều xác nhận, bố, mẹ của ông Thụy là cụ Phạm Xuân Cẩn và cụ Nguyễn Thị Tân đều đã chết trước ông Thụy.

Do vậy xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Gia Thụy thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Cung Thị T, anh Phạm Chí C, chị Phạm Thị L, anh Phạm Quốc A, anh Phạm Hoàng T và chị Nguyễn Thị Thanh Ng.

2.3 Xác định di sản thừa kế

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do các bên giao nộp và Tòa án thu thập được thể hiện, di sản thừa kế gồm có:

- Thừa đất số 17 tờ bản đồ số 57 có diện tích 328,50 m² tại địa chỉ số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội, có nguồn gốc của cha ông để lại cho ông Thụy để ở và thờ cúng tổ tiên vì ông Thụy là Trưởng họ. Ngày

29/8/1998, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đứng tên ông Thụy và bà T.

- Thửa đất số 45, tờ bản đồ 7E - III- 48 có diện tích 76,5 m², tại Tổ 13B phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội (nay là số 3 ngõ 890 đường Láng) được xác định của bà Đỗ Thị Nga được cấp đất do bà Nga là xã viên Hợp tác xã Láng Trung. Sau khi luật đất đai năm 2003 có hiệu lực, gia đình làm “sổ đỏ” đứng tên ông Thụy, bà Nga (thời kỳ này bà Nga đã chết).

2.4 Phân định tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế

2.4.1 Đối với thửa đất số 17 tờ bản đồ số 57 có diện tích 328,50 m², số đo thực tế là 325,67m², tại địa chỉ số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Sau khi lấy bà T, ông Thụy đã làm thủ tục và được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Thụy, bà T. Phía bị đơn cho rằng không biết việc bà T đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên UBND phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội xác nhận, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy trình và quy định của pháp luật. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có khiếu nại, thắc mắc gì. Khi kê khai, ông Thụy đã tự nguyện nhập khối tài sản riêng của mình thành tài sản chung của vợ chồng. Do vậy căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định, đây là tài sản chung của vợ chồng ông Thụy, bà T.

Tại thửa đất nêu trên hiện đã được xây dựng thành 03 khối nhà độc lập và được đánh số nhà là 46, 48 và 54, ngách 102/20 phố Pháo Đài Láng, tuy nhiên nhà, đất này chưa được tách sổ.

Trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thể hiện có diện tích xây dựng là 150m², tổng diện tích sử dụng là 180m² trên thửa đất 328,50m², được xác định là nhà số 54, các đương sự đều khẳng định phần diện tích này do các cụ xây từ trước để cho gia đình ông Thụy, bà Nga ở và làm nơi thờ cúng tổ tiên. Hiện nay anh C đã xây nhà và cùng vợ con quản lý, sử dụng. Phía nguyên đơn bà T cũng xác nhận ngôi nhà này được xây dựng trước khi ông Thụy lấy bà và sau này anh C đã sửa chữa và xây dựng thêm, bà không có công sức gì đối với phần xây dựng ngôi nhà này.

Đối với 2 ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất 328,50m², nay được đánh số 46 và 48 ngách 102/20 phố Pháo Đài Láng, hiện đang do gia đình anh Quốc A và

gia đình anh T quản lý, sử dụng. Anh T và anh Quốc A trình bày hai ngôi nhà này được xây dựng từ năm 1994 bằng tiền của vợ chồng anh T và anh Quốc A. Bà T trình bày bà cũng có công sức trong việc xây dựng hai ngôi nhà này vào các năm 1994, 1995 và đến năm 1996 mới hoàn thành, tuy nhiên bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà có đóng góp công sức vào việc xây dựng hai ngôi nhà nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần nhà xây dựng trên thửa đất 328,50m² tại địa chỉ số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng, quận Đống Đa Hà Nội do gia đình anh C, anh Quốc A, anh T xây dựng nên không phải là di sản thừa kế là có căn cứ.

Về việc tính công sức và chia thừa kế di sản của ông Thụy đối với nhà, đất này cụ thể như sau:

Thửa đất số 17 tờ bản đồ số 57 có diện tích 328,50m², số đo thực tế là 325,67m², tại địa chỉ số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội, nay được xác định là số nhà 46, 48 và 54 ngách 102/20 phố Pháo Đài Láng, quận Đống Đa, Hà Nội có nguồn gốc của cha ông để lại cho ông Thụy. Trước khi lấy bà T, ông Thụy đã phân chia cho anh C, anh T và anh Quốc A, các anh đã xây nhà và ở ổn định đến nay. Lời khai của anh C, chị L, anh Quốc A, anh T xác nhận các anh chị sinh ra và lớn lên cho đến nay vẫn ở trên thửa đất này, do vậy cần phải trích công sức trông nom, bảo quản duy trì di sản thừa kế cho anh C, chị L, anh T và anh Quốc A mới đảm bảo quyền lợi cho các anh, chị theo quy định của pháp luật. Công sức bảo quản, duy trì di sản thừa kế của các anh chị cần được tính bằng 1/3 di sản thừa kế của ông Thụy sau khi thanh toán tài sản chung vợ chồng ông Thụy, bà T, Tòa án cấp sơ thẩm không trích công sức bảo quản, duy trì tài sản cho anh C, chị L, anh Quốc A, anh T là thiếu sót nên Tòa án cấp phúc thẩm cần phải sửa án sơ thẩm và bổ sung phần này.

Đối với việc đánh giá và xác định công sức của bà T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T không có công sức gì đối với thửa đất này mà chỉ đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu là đúng với thực tế. Trình bày của anh C, chị L, anh Quốc A, anh T cũng như lời khai của ông Phạm Văn Hoà, ông Phạm Văn Hoan (em ruột ông Thụy BL 142), anh Phạm Ngọc Định (cháu ông Thụy BL 140), bà Nguyễn Thị Tiến Cừ (là hàng xóm của ông Thụy BL 141) xác nhận, trước khi lấy bà T, ông Thụy đã chia nhà, đất cho 03 người con trai, bà T không sống ở nhà đất

này. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông Thụy, bà T nhưng nguồn gốc thửa đất này là của gia đình ông Thụy thừa kế lại cho ông Thụy, bà T không có công sức gì, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà T 25% giá trị quyền sử dụng đất là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác, do vậy Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại và tính thanh toán tài sản vợ chồng cho bà T bằng 15% giá trị quyền sử dụng đất là phù hợp, cụ thể: $325,67\text{m}^2 \times 55 \text{ triệu}/\text{m}^2 \times 15\% = 2.686.777.500$ đồng. Bà T được thanh toán tài sản chung của vợ chồng là 2.686.777.500 đồng.

Ông Thụy được thanh toán tài sản chung của vợ chồng bằng 85% giá trị quyền sử dụng đất nên tài sản thừa kế của ông Thụy để lại là $325,67\text{m}^2 \times 55 \text{ triệu}/\text{m}^2 \times 85\% = 15.225.072.500$ đồng.

Đối với nhà cũ của các cụ để lại trên thửa đất này không còn nên không tính giá trị thừa kế phần nhà chỉ xác định phần thừa kế quyền sử dụng đất như đã tính ở trên.

Phần công sức duy trì, bảo quản di sản thừa kế của anh C, chị L, anh T, anh Quốc A được hưởng bằng 1/3 thừa kế của ông Thụy, cụ thể là: $15.225.072.500 \text{ đồng} : 3 = 5.075.024.166$ đồng.

Phần di sản thừa kế của ông Thụy còn lại được chia cho hàng thừa kế thứ nhất là bà T, anh C, chị L, anh Quốc A, anh T, chị Ng (6 người), mỗi người được hưởng cụ thể là $15.225.072.500 \text{ đồng} - 5.075.024.166 \text{ đồng} = 10.150.048.333 \text{ đồng} : 6 = 1.691.674.722$ đồng.

Bà T được thanh toán tài sản vợ chồng và phần thừa kế của ông Thụy là $2.686.777.500 \text{ đồng} + 1.691.674.722 \text{ đồng} = 4.378.452.222$ đồng.

2.4.2. Đối với nhà đất tại Tổ 13B phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội, nay là nhà số 3 ngõ 890 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $76,5\text{m}^2$, đo thực tế là $75,64\text{m}^2$. Nguồn gốc đất của bà Đỗ Thị Nga, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nga và ông Thụy có giá trị là $75,64\text{m}^2 \times 60.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 4.538.400.000$ đồng. Trên đất có phần nhà bà Nga và ông Thụy xây dựng năm 1988 có giá trị 31.475.426 đồng. Phần nhà và công trình ông Thụy, bà T xây dựng năm 2000 (sau khi kết hôn về sống tại đây) có giá trị 39.128.760 đồng. Như vậy sau khi bà Nga

chết thì tài sản vợ chồng ông Thụy, bà Nga mỗi người được thanh tài sản vợ chồng là:

Đất là 2.269.200.000 đồng + nhà xây 1988 là 15.737.713 đồng = 2.284.937.713 đồng.

Bà Nga chết năm 1993, di sản thừa kế của bà Nga được chia cho người thừa kế thứ nhất là ông Thụy và 4 người con, mỗi người được hưởng là $2.284.937.713 \text{ đồng} : 5 \text{ người} = 456.987.542 \text{ đồng}$. Ông Thụy được thanh toán tài sản vợ chồng với bà Nga, bà T và thừa kế của bà Nga tổng cộng là $2.304.502.093 + 456.987.542 \text{ đồng} = 2.761.489.635 \text{ đồng}$.

Tòa án cấp sơ thẩm không xác định thời điểm mở thừa kế khi bà Nga chết và chia thừa kế là không đúng quy định của pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm cần phải sửa án sơ thẩm về phần này

Sau khi ông Thụy chết, tài sản của ông Thụy được chia cho 6 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà T, anh C, chị L, anh Quốc A, anh T, chị Ng mỗi người được hưởng là $2.761.489.635 : 6 = 460.248.272 \text{ đồng}$.

Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức xây dựng nhà và công trình của bà T (phần nhà bà T, ông Thụy xây dựng năm 2000) ở tại Tổ 13B phường Láng Thượng là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T, cụ thể là $39.128.760 \text{ đồng} : 2 = 19.564.380 \text{ đồng}$. Như vậy bà T được thanh toán công sức xây dựng nhà, các công trình và phần thừa kế của ông Thụy là: $460.248.272 \text{ đồng} + 19.564.380 \text{ đồng} = 479.812.652 \text{ đồng}$

Phần thừa kế của bà Nga để lại cho anh C, chị L, anh Quốc A, anh T không yêu cầu chia riêng biệt xin được sở hữu sử dụng chung

Trong vụ án này các con riêng của ông Thụy bà Nga là anh C, chị L, anh Quốc A, anh T đề nghị được hưởng toàn bộ tài sản nhà đất và chia chung vào một khối, các anh chị tự thỏa thuận giải quyết và cùng có trách nhiệm thanh toán giá trị thừa kế cho bà T và chị Ng. Đối với bà T, chị Ng cũng có yêu cầu được chia thừa kế hưởng bằng giá trị để tránh mâu thuẫn trong gia đình. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy đề nghị của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Như vậy anh C, chị L, anh Quốc A, anh T được chia sử dụng toàn bộ diện tích đất 325,67m² tại địa chỉ số 375 Tổ 15, phường Láng Thượng Đống Đa, Hà

Nội, hiện anh C, anh Quốc A và anh T đang sử dụng có giá trị 17.908.000.000 đồng (trong đó được thanh toán công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế là 5.075.024.166 đồng, thừa kế của ông Thụy là 6.766.698.888 đồng = 11.841.723.054 đồng); sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất tại Tổ 13B phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội, có giá trị nhà, đất và các công trình là 4.609.004.186 đồng (trong đó có phần tài sản thừa kế của bà Nga để lại cho 4 người con là 1.827.950.168 đồng) phần được hưởng thừa kế của ông Thụy là 1.840.993.088 đồng.

Anh C, chị L, anh Quốc A, anh T cùng có trách nhiệm thanh toán cho:

- Bà T: 2.686.777.500 đồng tiền thanh toán tài sản vợ chồng đối với nhà đất tại số 375, Tổ 15 phường Láng Thượng; 19.564.380 đồng tiền xây nhà năm 2000 tại Tổ 13b phường Láng Thượng; 2.151.922.994 đồng (1.691.674.722 + 456.987.542) tiền được hưởng thừa kế nhà, đất của ông Thụy. Tổng cộng bà T được thanh toán là 4.858.264.874 đồng.

- Chị Ng được hưởng thừa kế nhà đất của ông Thụy: 2.148.662.264 đồng + 3.260.730 đồng tiền bà T cùng ông Thụy xây nhà năm 2000 tại Tổ 13B phường Láng Thượng (19.564.380 đồng : 6 = 3.260.730) tổng cộng = 2.151.922.994 đồng.

Anh C, chị L, anh Quốc A, anh T được sở hữu, sử dụng chung nhà đất tại số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng và nhà đất tại Tổ 13B phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Các anh, chị được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh C, chị L, anh Quốc A, anh T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần thừa kế và công sức được hưởng là 100.413.580 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Căn cứ Luật người cao tuổi và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà T được xác định là người cao tuổi nên bà T thuộc trường hợp được miễn án phí.

Chị Ng phải chịu 74.973.245 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 653, 660, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 68, 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 65, 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009 ngày 27/2/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cung Thị T

1. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Thụy là ngày 20/9/2006. Xác định thời điểm mở thừa kế của bà Nga là năm 1993

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Thụy gồm bà T, anh C, chị L, anh Quốc A, anh T và chị Ng

3. Xác định di sản thừa kế của ông Thụy gồm:

- Một phần quyền sử dụng đất tại số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội, nay là số 46, 48 và 54 ngách 102/20 phố Pháo Đài Láng, có diện tích 328,50m², số đo thực tế là 325,67m². Sau khi thanh toán tài sản vợ chồng cho bà T 2.686.777.500 đồng và trích công sức duy trì, bảo quản tài sản cho anh C, chị L, anh Quốc A, anh T 5.075.024.166 đồng. Phần thừa kế của ông Thụy để lại là 10.150.048.333 đồng.

- Một phần quyền sở hữu nhà và đất tại Tổ 13B phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội, nay là số 3 ngõ 890 đường Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội có diện tích 76,5m², số đo thực tế là 75,64m². Sau khi thanh toán tài sản vợ chồng (ông Thụy, bà Nga), chia thừa kế tài sản của bà Nga và thanh toán công sức cho bà T, di sản thừa kế của ông Thụy để lại là 2.761.489.635 đồng.

Tổng cộng di sản thừa kế ông Thụy để lại tại 02 nhà, đất nêu trên là 12.911.537.968 đồng : 6 = 2.151.922.994 đồng.

Bà T, anh C, chị L, anh Quốc A, anh T, chị Ng mỗi người được chia thừa kế là 2.151.922.994 đồng. Anh C, chị L, anh Quốc A, anh T được thanh toán công sức duy trì bảo quản tài sản nhà đất tại 345 Tổ 15 phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội là 5.075.024.166 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh C, chị L, anh Quốc A, anh T được sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất tại số 375 Tổ 15 phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội và nhà đất tại Tổ 13B phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Anh C, chị L, anh Quốc A, anh T có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế và thanh toán tài sản vợ chồng, công sức cho bà T và chị Ng bằng giá trị, cụ thể:

- + Thanh toán cho bà T 4.858.264.874 đồng

- + Thanh toán cho chị Ng 2.151.922.994 đồng

- Ghi nhận đề nghị của anh C, chị L, anh Quốc A, anh T không yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Nga để lại. Các anh, chị được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đứng tên quyền sở hữu, sử dụng nhà ở được chia theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

- Miễn án phí cho bà T, bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bà T được nhận lại 25.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 3258 ngày 05/10/2015 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 7229 ngày 04/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa

- Anh C, chị L, anh Quốc A, anh T, mỗi người phải chịu 100.413.580 đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo các biên lai số 7196, 7197, 7198, 7199 ngày 24/5/2018 (tổng cộng là 1.200.000 đồng) được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm các anh chị phải chịu.

- Chị Ng phải chịu 75.038.445 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Thành phần Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Nam